

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-02-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S; cư trú tại: đường N, tổ 226, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Tuyết L (Nguyễn Tuyen L); cư trú tại: Filand (Phần Lan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian 03 tháng bà Nguyễn Tuyết L về Việt Nam chơi thì đã gặp gỡ quen biết với ông; sau khi tìm hiểu thì ông và bà L đã tự nguyện đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam và được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09-7-2013. Kết hôn được thời gian khoảng 01 tháng thì bà L về Phần Lan sinh sống, còn ông vẫn ở tại Việt Nam. Sau đó giữa vợ chồng liên lạc thưa dần và đã mất hẳn liên lạc với nhau; gia đình ông tại Phần Lan có đến tìm hiểu thì biết bà L đã chuyển sang thành phố khác sinh sống mà không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn S xác định là ông và bà Nguyễn Tuyết L không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn S xác định là ông và bà Nguyễn Tuyết L không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Tuyết L không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Tuyết L.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S là công dân Việt Nam; cư trú tại đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Nguyễn Tuyết L, cư trú tại địa chỉ Filand (Phần Lan), nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn bà Nguyễn Tuyết L bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Phần Lan tổng đạt Thông báo việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Tuyết L và yêu cầu bà L gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Tuyết L không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo thông báo của Tòa án và cũng không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S; mặt khác, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất 07-9-2018 thì bà L không có mặt và Tòa án cũng chưa nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt của Cơ quan được ủy thác tư pháp nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho bà L, theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 28-10-2019, Bộ Tư pháp đã có Công hàm số 2937/CH-BTP gửi cho Bộ Tư pháp Cộng hòa Phần Lan để yêu cầu trả lời về việc cấp tổng đạt cho bà L. Tuy nhiên sau đó Tòa án vẫn không nhận được văn bản trả lời về kết quả tổng đạt cho đương sự ở nước ngoài của các cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Phần Lan theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 11-02-2020 để xét xử vắng

mặt bà L, theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Tuyết L của ông Nguyễn Văn S thì thấy, từ năm 2013 đến nay vợ chồng ông bà mỗi người sống một nơi, không liên lạc hay thông tin qua lại với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng từ đó mà không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn bà L của ông S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Ông Nguyễn Văn S xác định vợ chồng ông, bà không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Văn S phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài ông Nguyễn Văn S phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ông Nguyễn Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, theo quy định tại khoản 1 Điều 479 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Tuyết L theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án, theo quy định tại khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 474, điểm c khoản 5 Điều 477, khoản 1, khoản 3 Điều 479 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10 của Luật tương trợ tư pháp; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Tuyết L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Tuyết L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001604 ngày 02-01-2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Ông Nguyễn Văn S phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo biên lai số 001627 ngày 28 tháng 01 năm 2019, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông S đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp về tổng đạt văn bản tố tụng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Nguyễn Tuyết L không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam